

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 03 /2014/QĐ-UBND

Nha Trang, ngày 07 tháng 02 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định tiêu chí xác định số lượng và hướng dẫn việc kiêm nhiệm,
bổ trí các chức danh cán bộ, công chức cấp xã thuộc tỉnh Khánh Hòa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Mục tiêu Quốc gia về Xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27 tháng 5 năm 2010 của liên bộ Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2472/TTr-SNV ngày 29 tháng 11 năm 2013,



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định tiêu chí xác định số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã); hướng dẫn việc kiêm nhiệm, bố trí các chức danh cán bộ, công chức cấp xã thuộc tỉnh Khánh Hòa.

2. Đối tượng áp dụng của Quyết định này là cán bộ, công chức cấp xã được quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 3 và khoản 2, Điều 19 của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện việc quản lý và hướng dẫn bố trí, bổ trí kiêm nhiệm các chức danh cán bộ, công chức ở các xã, phường, thị trấn theo quy định tại Quyết định này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Đơn vị hành chính cấp xã loại 1, loại 2, loại 3: Là kết quả phân loại đơn vị hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định theo quy định tại Nghị định số 159/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn.

2. Loại đô thị của phường được xác định theo loại đô thị của đơn vị hành chính cấp huyện mà phường trực thuộc; đã được Bộ Xây dựng ra quyết định công nhận loại đô thị của đơn vị hành chính cấp huyện đó.

3. Xã thuộc khu vực miền núi, vùng cao là những xã được cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương ra quyết định công nhận.

4. Số lượng cán bộ, công chức của từng xã, phường, thị trấn là tổng số lượng cán bộ, công chức cấp xã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho từng xã, phường, thị trấn (bao gồm cả cán bộ, công chức được luân chuyển, điều động, biệt phái về cấp xã).

5. Bố trí và bổ trí kiêm nhiệm:

a) Bố trí là việc phê chuẩn, bổ nhiệm, phân công, giao nhiệm vụ người giữ chức danh cán bộ, công chức trong số lượng quy định.

b) Bổ trí kiêm nhiệm, kiêm nhiệm bắt buộc:

- Bổ trí kiêm nhiệm là việc bổ trí cán bộ, công chức đảm nhiệm thêm chức danh cán bộ, công chức khác theo quy định.

- Bổ trí kiêm nhiệm bắt buộc là việc bổ trí kiêm nhiệm mà không làm giảm đi số lượng cán bộ, công chức theo quy định, người kiêm nhiệm không được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm.

Điều 3. Tiêu chí xác định số lượng cán bộ, công chức cấp xã:

1. Đối với phường loại 1:

a) Phường thuộc đô thị loại 1:

- Từ 20.000 người trở lên được bố trí 25 cán bộ, công chức;
- Từ 17.000 người trở lên được bố trí 24 cán bộ, công chức.

b) Phường thuộc đô thị loại 2:

- Từ 18.000 người trở lên được bố trí 25 cán bộ, công chức;
- Từ 15.500 người trở lên được bố trí 24 cán bộ, công chức.

c) Phường thuộc đô thị loại 3:

- Từ 16.000 người trở lên được bố trí 25 cán bộ, công chức;
- Từ 14.500 người trở lên được bố trí 24 cán bộ, công chức.

d) Phường thuộc đô thị loại 4:

- Từ 15.000 người trở lên được bố trí 25 cán bộ, công chức;
- Từ 13.500 người trở lên được bố trí 24 cán bộ, công chức.

đ) Các trường hợp còn lại được bố trí 23 cán bộ, công chức.

2. Đối với phường loại 2:

a) Phường thuộc đô thị loại 1:

- Từ 15.000 người trở lên được bố trí 23 cán bộ, công chức;
- Từ 13.000 người trở lên được bố trí 22 cán bộ, công chức.

b) Phường thuộc đô thị loại 2:

- Từ 13.500 người trở lên được bố trí 23 cán bộ, công chức;
- Từ 11.500 người trở lên được bố trí 22 cán bộ, công chức.

c) Phường thuộc đô thị loại 3:

- Từ 12.500 người trở lên được bố trí 23 cán bộ, công chức;
- Từ 10.500 người trở lên được bố trí 22 cán bộ, công chức.

d) Phường thuộc đô thị loại 4:

- Từ 11.500 người trở lên được bố trí 23 cán bộ, công chức;
- Từ 9.500 người trở lên được bố trí 22 cán bộ, công chức.

đ) Các trường hợp còn lại được bố trí 21 cán bộ, công chức.



3. Đối với xã loại 1 và loại 2:

a) Xã đồng bằng:

- Là xã loại 1 và có dân số từ 14.000 người trở lên được bố trí 25 cán bộ, công chức;

- Là xã loại 1 và có dân số từ 12.500 người trở lên được bố trí 24 cán bộ, công chức;

- Từ 10.000 người trở lên được bố trí 23 cán bộ, công chức;

- Các trường hợp còn lại được bố trí 22 cán bộ, công chức.

b) Xã miền núi, vùng cao:

- Là xã loại 1 và có dân số từ 13.000 người trở lên được bố trí 25 cán bộ, công chức;

- Là xã loại 1 và có dân số từ 11.500 người trở lên được bố trí 24 cán bộ, công chức;

- Từ 9.000 người trở lên được bố trí 23 cán bộ, công chức;

- Từ 6.000 người trở lên được bố trí 22 cán bộ, công chức;

- Từ 3.500 người trở lên được bố trí 21 cán bộ, công chức;

- Các trường hợp còn lại được bố trí 20 cán bộ, công chức.

4. Đối với đơn vị hành chính cấp xã loại 3:

a) Đối với phường: Được bố trí 21 cán bộ, công chức.

b) Đối với xã:

- Xã thuộc khu vực đồng bằng có dân số từ 5.000 người trở lên được bố trí 21 cán bộ, công chức;

- Xã thuộc khu vực miền núi, vùng cao có dân số từ 3.500 người trở lên được bố trí 21 cán bộ, công chức;

- Các trường hợp còn lại được bố trí 20 cán bộ, công chức.

5. Đối với các thị trấn huyện lỵ: Được ấn định số lượng cán bộ, công chức tối đa tương ứng với loại đơn vị hành chính theo quy định của Chính phủ.

6. Đối với các xã, thị trấn thuộc huyện Trường Sa: Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ yêu cầu thực tiễn xem xét, quyết định số lượng cán bộ, công chức cấp xã thuộc huyện Trường Sa.

Điều 4. Số lượng cán bộ, công chức của từng xã, phường, thị trấn

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ các tiêu chí quy định tại Điều 3 của Quyết định này và căn cứ tình hình thực tế tại địa phương để ban hành quyết định giao số lượng cán bộ, công chức của từng xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Khánh Hòa.

Điều 5. Bố trí và bố trí kiêm nhiệm các chức danh cán bộ, công chức cấp xã

Căn cứ số lượng cán bộ, công chức của từng xã, phường, thị trấn được quy định tại Điều 4 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo, hướng dẫn việc bố trí và bố trí kiêm nhiệm các chức danh cán bộ, công chức cấp xã như sau:

1. Đối với đơn vị hành chính cấp xã từ 20 đến 23 cán bộ, công chức cấp xã:

a) Được bố trí tối đa 12 người cho 11 chức vụ cán bộ, trong đó chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân được bố trí 02 người theo quy định tại Nghị định số 107/2004/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch và cơ cấu thành viên Ủy ban nhân dân các cấp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 107/2004/NĐ-CP).

b) Mỗi chức danh công chức được bố trí 01 người, số còn lại được bố trí ưu tiên cho các chức danh công chức: Văn hóa - Xã hội, Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (đối với xã) hoặc Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (đối với phường, thị trấn), Tư pháp - Hộ tịch, Văn phòng - Thống kê, Tài chính - Kế toán.

2. Đối với đơn vị hành chính cấp xã từ 24 đến 25 cán bộ, công chức cấp xã:

a) Được bố trí tối đa 12 người cho 11 chức vụ cán bộ, trong đó chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân được bố trí 02 người theo quy định tại Nghị định số 107/2004/NĐ-CP.

b) Được bố trí 01 người cho các chức danh: Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã, Trưởng Công an xã; bố trí 02 người cho mỗi chức danh công chức: Văn hóa - Xã hội, Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (đối với xã) hoặc Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (đối với phường, thị trấn), Tư pháp - Hộ tịch, Văn phòng - Thống kê, Tài chính - Kế toán; số còn lại được ưu tiên bố trí cho chức danh Văn hóa - Xã hội để đảm nhiệm Phó Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã hoặc chức danh Tư pháp - Hộ tịch để đảm nhiệm Phó Trưởng Công an xã.

Điều 6. Điều chỉnh, bổ sung số lượng cán bộ, công chức cấp xã

1. Khi có sự điều chỉnh địa giới hành chính, chia tách, sáp nhập, hợp nhất đơn vị hành chính hoặc điều chỉnh loại đơn vị hành chính cấp xã, có sự thay đổi các tiêu chí dẫn đến thay đổi về số lượng cán bộ, công chức cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ tiêu chí quy định tại Điều 3 của Quyết định này dự kiến số lượng và có văn bản gửi Sở Nội vụ để thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh số lượng cán bộ, công chức cấp xã.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định giao số lượng cán bộ, công chức khi thành lập đơn vị hành chính cấp xã mới; quyết định điều chỉnh, bổ sung số lượng cán bộ, công chức cấp xã cho từng đơn vị hành chính cấp xã khi có

sự thay đổi về cơ chế, chính sách, tổ chức bộ máy chính quyền địa phương và hệ thống chính trị ở cơ sở hoặc để thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội theo quy định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và bãi bỏ các văn bản sau:

1. Quyết định số 33/2010/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về số lượng cán bộ, công chức và việc bố trí cán bộ, công chức ở từng xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Khánh Hòa.

2. Công văn số 5592/UBND ngày 22 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc đính chính văn bản.

3. Quyết định số 1627/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc bổ sung biên chế công chức cấp xã thuộc địa bàn thành phố Nha Trang, thị xã Ninh Hòa và các huyện: Vạn Ninh, Diên Khánh, Khánh Vĩnh.

Điều 8. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (thi hành);
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính; Bộ LĐTB&XH;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- Thường trực TU, HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các Sở, ngành tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh (02 bản);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Khánh Hòa;
- Đài Phát thanh - Truyền hình KH;
- Lưu: VP, SNV.

TS

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Chiến Thắng